

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 02- 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn, bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP H, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: TDP H, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam vào ngày 28/12/2001 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu đi đến xây dựng hạnh phúc.

Sau ngày cưới vợ chồng chị về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân do hai vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn này xin được giải quyết ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày về điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh M, sinh ngày 02/3/2003; cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2017. Hiện nay cháu M đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu V, cháu H1 khi ly hôn chị H xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; quan điểm của anh T: anh cũng nhất trí để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 06/12/2024 anh T đã thể hiện quan điểm như trên, anh T đã xác nhận quan điểm của mình vào biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hoà giải, vì vậy Tòa án đã lập biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành cho đương sự nhưng khi thông qua biên bản này thì anh T không ký xác nhận và tự ý bỏ về.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và Bùi Văn T. Về con chung: Đối với cháu Bùi Thị Quỳnh M, sinh ngày 02/3/2003 đã 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không đặt ra xem xét; giao cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi các cháu V, H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H, anh Bùi Văn T phải chịu theo luật định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Phạm Thị H, anh Bùi Văn T, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải các đương sự thoả thuận với nhau được về việc giải quyết vụ án nhưng khi thông qua biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành thì bị đơn anh Bùi Văn T bỏ về không ký xác nhận văn bản nên không hoà giải thành được, nay chị H xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H, anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Bùi Thị Quỳnh M, sinh ngày 02/3/2003; cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2017. Khi ly hôn các đương sự thoả thuận: Đối với cháu Bùi Thị Quỳnh M, sinh ngày 02/3/2003 đã 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; giao cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày

24/9/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 2 năm 2025 cho đến khi các cháu V, H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H, anh Bùi Văn T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2017 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi các cháu V, H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Bùi Thị Quỳnh M, sinh ngày 02/3/2003 đã 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được chị H, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Chị H, anh T được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0001530 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị Phạm Thị H số tiền 225.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND phường T;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi